

Số: 28 /GPMT-UBND

Tân Uyên, ngày 17 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh 05/2023/CV-MT ngày 23 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 15.8./TTr-PTNMT ngày 15/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh, địa chỉ trụ sở chính tại số 79 đường ĐT-747B, tổ 4, khu phố 8, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phôi công suất 110.000 sản phẩm/năm (không sơn sản phẩm)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phôi công suất 110.000 sản phẩm/năm (không sơn sản phẩm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 50, Phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3703146456, đăng ký lần đầu ngày 10/08/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Mã số thuế: 3703146456



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án: 20.156,9 m² (Ông Huỳnh Ngọc Hùng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ủy quyền cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là Thành phố) Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 692211, số vào sổ CS11403 tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 50, phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hà Gia Minh thuê thửa đất trên và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Tân Uyên xác nhận ngày 11/09/2023).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất, Gia công sản phẩm gỗ công suất 110.000 sản phẩm/năm trong đó (Giường 20.000 sản phẩm/năm; Tủ 30.000 sản phẩm/năm; Bàn 20.000 sản phẩm/năm, ghế 40.000 sản phẩm/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình gia công đồ gỗ gia dụng: Nguyên liệu (gỗ phôi) → Ghép gỗ → Cắt → Khoan định hình → Chà nhám → Lắp ráp sơ bộ → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công ty phải ngưng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày..17.. tháng..5.. năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Uyên Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. 

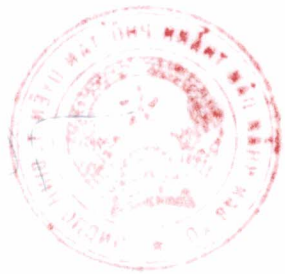
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công ty TNHH TMDV Hà Gia Minh;
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Nguyên



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 17 tháng 5..
 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của nhà văn phòng;

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 1;

Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của nhà xưởng 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Chủ đầu tư cam kết đầu tư hệ thống thoát nước bằng các cống BTCT, D200 chạy dọc tuyến đường đất khoảng 400m → Hệ thống thoát nước chung trên đường Khánh Bình 33 → đường ĐT 746 → Suối cầu Rạch Tre → sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

01 dòng: 01 điểm nằm ở phía Nam dự án, trước khi chảy vào hệ thống thoát nước bằng đường cống BTCT, D200 chạy dọc tuyến đường đất khoảng 400m → Hệ thống thoát nước chung trên đường Khánh Bình 33 → đường ĐT 746 → Suối cầu Rạch Tre → sông Đồng Nai.

Tọa độ X = 1223651,04; Y=610989,44.

Hố ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hố ga đặt tại tường rào phía Nam của dự án (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hố ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để nhìn, giám sát được) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh".

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 11,2 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý sẽ tự chảy dọc theo đường cống BTCT, D200 khoảng 400m → Hệ thống thoát nước chung trên đường Khánh Bình 33 → đường ĐT 746 → Suối cầu Rạch Tre → sông Đồng Nai

Hình thức xả thải: Tự chảy



2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục khi hoạt động

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường tiếp giáp với dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp, cột A, $K_f=1,2$; $K_q=0,9$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	6-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	50		
4	COD	mg/l	75		
5	Nitơ tổng	mg/l	20		
6	Photpho tổng	mg/l	4		
7	Coliform	MPN/100ml	3.000		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nguồn nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải rửa tay chân được thu gom bằng đường ống uPVC D168mm, độ dốc $i=0,5\%$ về hệ thống xử lý nước thải, công suất $15m^3/ngày.đêm$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước rửa tay chân → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Arotank → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng → Bể lọc áp lực → Hệ thống thoát nước chung cống BTCT, D200 chạy dọc tuyến đường đất khoảng 400m → Hệ thống thoát nước chung trên

đường Khánh Bình 33 → Đường ĐT 746 → Suối cầu Rạch Tre → sông Đồng Nai

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng, clorin 70%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại hồ thu bể điều hòa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và vệ sinh đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng xử lý nước và thoát nước.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (thời gian dự kiến 01/01/2025 đến 30/03/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế $15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất $15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải công suất $15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do chủ đầu tư tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: Mẫu đơn tại hố ga đầu vào bể điều hòa và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất $15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Coliform, Amoni (tính theo N).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMТ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải số 01 đến nguồn số 28: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa (28 máy cưa);
- Nguồn thải số 29 đến nguồn số 43: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn bào (15 máy bào);
- Nguồn thải số 44 đến nguồn số 53: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn khoan (10 máy khoan);
- Nguồn thải số 54 đến nguồn số 63: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn chà nhám (10 máy chà nhám thùng);
- Nguồn thải số 64: Bụi phát sinh từ khu vực chà nhám tay.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
01	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí thải sau hệ thống cyclone kết hợp lọc bụi túi vải.	X= 1223750,36; Y= 611008,83
02	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải	X= 1223789,16; Y= 611032,67

Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh tại khu phố 8, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng thải số 01 lưu lượng xả thải lớn nhất là 30.000 m³/h;

Dòng thải số 02 lưu lượng xả thải lớn nhất là 9.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải 01: Bụi và khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường thông qua ống thải bằng phương thức xả cưỡng bức, gián đoạn;

Dòng khí thải 02: Bụi và khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường thông qua ống thải bằng phương thức xả cưỡng bức, gián đoạn.



2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 0,8$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	200	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Lưu lượng	m ³ /h	--		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình sơ chế gỗ (cưa, cắt), tạo dáng sản phẩm (bào, khoan) từ nguồn số 01 đến số 53 được thu gom bằng hệ thống chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về hệ thống Cyclone kết hợp lọc bụi túi vải. Bụi sau hệ thống xử lý được thu gom về buồng chứa bụi có kích thước: D x C x R = 3m x 2m x 2m và phát tán qua 01 ống thải có chiều cao 04m, đường kính 0,6m.

- Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám: từ nguồn số 54 đến số 64 được thu gom bằng hệ thống chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về hệ thống lọc bụi túi vải và phát tán qua 01 ống thải có chiều cao 04m, đường kính 0,35m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Nguồn thải số 01 đến nguồn thải số 53

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh (cưa, cắt, khoan, bào) → Hệ thống chụp hút (kích thước 50mm x 50mm; công suất quạt hút 30.000m³/h) và ống dẫn bụi → Hệ thống Cyclone (tháp hình trụ 0,4m x 1,82m) → Thiết bị lọc bụi túi vải (kích thước: 2m x 2,5m, 22 túi vải) → Ống thải (cao 4m, đường kính 0,6m).

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/h
- Hóa chất sử dụng: Không có

Nguồn thải số 54 đến nguồn thải số 64

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh (chà nhám) → Hệ thống chụp hút (kích thước 50mm x 50mm) → Hệ thống chụp hút (kích thước 200mm x 200mm; công suất quạt hút 9.000m³/h) và ống dẫn bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải (kích thước: 0,15m x 2m, 12 túi vải) → Ống thải (cao 4m, đường kính 0,35m).

- Công suất thiết kế: 9.000 m³/h
- Hóa chất sử dụng: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (Thời gian dự kiến từ 01/01/2025 đến 30/03/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 công trình xử lý bụi (bằng thiết bị cyclone kết hợp lọc bụi túi vải) phát sinh từ các máy cưa, cắt, tiện, bào.

- 01 công trình xử lý bụi (thiết bị lọc bụi túi vải) phát sinh từ các máy chà nhám.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống Cyclone kết hợp túi vải từ khu vực cưa cắt, khoan, bào gỗ có tọa độ X= 1223750,36, Y= 611008,83;

Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải từ khu vực chà nhám, có tọa độ X= 1223789,16, Y= 611032,67.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải.

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do Chủ đầu tư tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: Mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn tại ống thải trước khi thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28./GPMT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cửa, cắt;
- Nguồn số 02: Khu vực khoan;
- Nguồn số 03: Khu vực bào;
- Nguồn số 04: Khu vực chà nhám;
- Nguồn số 05: Khu vực lắp ráp;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn từ động cơ của Hệ thống Cyclone thu bụi kết hợp lọc bụi túi vải;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn từ động cơ của hệ thống lọc bụi túi vải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: có tọa độ X= 1223728,18; Y=610993,12;
- Nguồn số 02: có tọa độ X= 1223754,68; Y=611016,10;
- Nguồn số 03: có tọa độ X= 1223789,15; Y= 611029,94;
- Nguồn số 04: có tọa độ X= 1223736,13; Y= 611030,16;
- Nguồn số 05: có tọa độ X= 1223719,82; Y= 611072,86;
- Nguồn số 06: có tọa độ X= 1223751,34; Y= 611073,34;
- Nguồn số 07: có tọa độ X = 1223772,98; Y= 611021,86.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28./GPMT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình		Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
			Cái/năm	kg/năm		
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần nguy hại	Rắn	-	20	18 02 01	KS
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	-	5	16 01 12	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	-	5	16 01 06	NH
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	9	15	17 02 03	NH
5	Keo sữa thải	Lỏng	-	479,59	08 03 01	KS
6	Thùng đựng keo sữa thải	Rắn	120	1.800	18 01 03	KS
7	Bao bì đựng dầu nhớt bằng nhựa	Rắn	-	10,8	18 01 03	KS
8	Bao bì đựng hóa chất sử dụng cho HTXLNT bằng nhựa	Rắn	3	8,1	18 01 03	KS



TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình		Mã CTNH	Ký hiệu
9	Hộp mực in, photo thải (văn phòng)	Rắn	-	7	08 02 04	KS
Tổng số lượng					2.350,49	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng:

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Phế phẩm từ quá trình gia công đồ gỗ bao gồm: gỗ vụn, bìa gỗ vụn, dăm bào, mùn cưa,..	1.273.059
2	Ngũ kim hư hỏng như đinh, ốc vít, tay cầm, ổ khóa hư hỏng,...	126,26
3	Giấy nhựa văn phòng, các loại bao bì carton, pallet hư hỏng,...	100
Tổng		1.273.285

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Giấy nhám	620
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	840
TỔNG		1.460

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	140
Tổng		140

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 220 lít.

- Tất cả các thùng lưu trữ CTNH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định và có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH” và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 4 thùng nhựa thể tích 220 lít và bao chứa jumbo loại tải trọng 500kg.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 24 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, tường bao xây gạch, có mái che, có cửa khóa; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 1 thùng dung tích 30 lít tại khu văn phòng và 4 thùng dung tích 120 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết phải có nền bê tông chống thấm, không bị ứ đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.



3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Nam của dự án (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh".

3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Nam của dự án (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Gia Minh".

4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.